TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2019
V/v Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương;

2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ A, ấp NP, xã BN, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ B, ấp C, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Châu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Năm 2014, ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện TC

sinh sống; bà và ông T sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà, ông T chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Châu Tiến Đ, sinh ngày 28-8-2001. Con chung đang sống với bà; bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Châu Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thừa nhận những lời trình bày của bà H về thời gian chung sống vợ chồng, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đúng. Ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông, bà H có 01 con chung tên Nguyễn Châu Tiến Đ, sinh ngày 28-8-2001. Hiện con chung đang sống với bà H. Ông đồng ý giao cháu Đ cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T: Giao con chung tên Nguyễn Châu Tiến Đ, sinh ngày 29-8-2001 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H, ông T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, ông Châu Văn T là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[2] Về hôn nhân: Do bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ghi nhận bà H, ông T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Châu Tiến Đ, sinh ngày 28-8-2001 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T thống nhất: Giao cháu Nguyễn Châu Tiến Đ, sinh ngày 28-8-2001 cho bà H trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Châu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Ông T không được lạm dụng việc thăm non con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0026472 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, Tây Ninh; bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bà Nguyễn Thị H, ông Châu Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Bàu Năng, huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, văn thư.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn